TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 275/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 30-7-2019
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH - TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Giao

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoàng Tiến

2. Ông Nguyễn Nhựt Thảo

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Hữu Phúc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang tham gia phiên toà: Bà Trần Thị Mỹ Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 357/2018/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 104/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 85/2019/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Nguyễn Thị H, sinh năm 1987; Địa chỉ: Tổ Y, ấp B, xã M, thành phố L, tỉnh An Giang (có mặt)

2. Bị đơn: Lê Văn V, sinh năm 1982; Địa chỉ: Tổ Z, ấp Đ, xã V, huyện C, tỉnh An Giang (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Lê Văn V kết hôn vào năm 2010, hôn nhân do tự tìm hiểu, không tổ chức lễ cưới, đến năm 2016 thì đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã V, sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, nguyên nhân do anh V không lo làm ăn, thường xuyên nhậu nhẹt, cờ bạc, vợ chồng thường xuyên cự cãi, cuộc sống không hạnh phúc. Chị H và anh V sống ly thân từ tháng 06-2018 đến nay, chị không còn tình cảm với anh V nên yêu cầu được ly hôn

với anh V.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Thị Trăm A sinh ngày 05-3-2012 hiện nay cháu Trăm A đang sống với anh V, sau khi ly hôn chị đồng ý cho anh V được nuôi con, chị không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Lê Văn V trình bày:

- Về hôn nhân: Anh V thống nhất với lời trình bày của chị H về thời gian và điều kiện kết hôn, anh chị sống chung với nhau từ năm 2010, không tổ chức lễ cưới, đến năm 2016 đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã V. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến sau năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh có nhậu nhẹt nên vợ chồng cự cãi, anh không có ăn chơi, cờ bạc như chị H trình bày. Anh vẫn còn thương vợ, nay trước yêu cầu ly hôn của chị H thì anh không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Thị Trăm A sinh ngày 05-3-2012 hiện nay cháu Trăm A đang sống với anh V. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn thì anh yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại biên bản lấy lời khai, cháu Lê Thị Trăm A trình bày nguyện vọng được tiếp tục sống với anh Vũ nếu chị H và anh V ly hôn.

* Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn yêu cầu ly hôn, đồng ý cho anh V tiếp tục nuôi con, chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi con với mức cấp dưỡng là 800.000đ/tháng.

- Bị đơn vắng mặt, không có ý kiến trình bày bổ sung.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu:

+ *Về chấp hành pháp luật:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ *Về nội dung:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H, giao cháu Trăm A cho anh V tiếp tục nuôi dưỡng, công nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung của chị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thủ tục tố tụng:

1.1 Quan hệ tranh chấp: Tranh chấp giữa chị Nguyễn Thị H và anh Lê Văn V là tranh chấp về ly hôn và tranh chấp về nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1.2 Thẩm quyền giải quyết: Anh Lê Văn V hiện có đăng ký hộ khẩu và đang sinh sống tại ấp Đ, xã V, huyện C, tỉnh An Giang, nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

1.3 Về sự có mặt của đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn đến Tòa án để tham gia phiên toà xét xử vụ án nhưng bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Toà án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[2] Nội dung tranh chấp:

2.1 Về hôn nhân: Chị H và anh V có làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình và được Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh An Giang cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 97 ngày 04-10-2016. Như vậy, hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ khi xảy ra tranh chấp. Tại biên bản xác minh ngày 05-6-2019, thể hiện: trong cuộc sống gia đình anh V không chí thú làm ăn, thường hay cờ bạc, đi chơi, uống rượu nên vợ chồng thường hay bất hòa. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tiến hành hòa giải nhằm tạo điều kiện cho chị H và anh V được đoàn tụ, nhưng chị H cương quyết ly hôn, anh V tuy không đồng ý ly hôn nhưng không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng; Anh chị đã ly thân từ tháng 6-2018 đến nay, cả hai không quan tâm và không còn thực hiện quyền và nghĩa vụ của vợ chồng trong cuộc sống hôn nhân. Như vậy hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H.

2.2 Về con chung: Chị H và anh V có 01 con chung tên Lê Thị Trăm A sinh ngày 05-3-2012, hiện nay cháu Trăm A đang sống với anh V. Chị H và anh V đều thống nhất để cháu Trăm A cho anh V được tiếp tục nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử nhận thấy hiện nay cháu Trăm A đang sống với anh V và cháu cũng có nguyện vọng được sống với cha, để cho cuộc sống của cháu được ổn định, không bị xáo trộn nên Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, giao cháu Lê Thị Trăm A cho anh V tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh V không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, chị H có nguyện vọng được cấp dưỡng nuôi cháu Trăm A 800.000đ/tháng, thời gian cấp dưỡng từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu Trăm A tròn 18 tuổi và có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân. Sự tự nguyện này của chị H là hoàn toàn hợp lý, không trái quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Anh V và gia đình phải tạo điều kiện cho chị H trong việc thực hiện nghĩa vụ, quyền của cha mẹ đối với con chung theo quy định tại Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

2.3 Về tài sản chung và nợ chung: Chị H và anh V đều thống nhất không yêu

cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí sơ thẩm:

- Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị H là nguyên đơn nên phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

- Về án phí cấp dưỡng: Anh V không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung do đó không làm phát sinh nghĩa vụ cấp dưỡng đối với chị H, việc cấp dưỡng nuôi con là quyền tự nguyện của chị H nên chị H không phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con.

[4] Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 9, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H.

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Lê Văn V.

Giấy chứng nhận kết hôn số 97 ngày 04-10-2016 của Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

- Về nuôi con chung: Anh Lê Văn V được quyền nuôi con chung tên Lê Thị Trăm A sinh ngày 05-3-2012.

Về cấp dưỡng nuôi con: Công nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị H cấp dưỡng nuôi cháu Trăm A, mức cấp dưỡng 800.000đ/tháng (Tám trăm ngàn đồng/tháng); thời gian cấp dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Trăm A tròn 18 tuổi và có khả năng lao động để nuôi sống bản thân; tiền cấp dưỡng do anh V đại diện nhận.

Cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Việc nuôi con có thể bị thay đổi dựa trên cơ sở lợi ích của con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

2. Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào 300.000đ (Ba trăm

ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013986 ngày 17-12-2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 30-7-2019). Anh Lê Văn V được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ và thi hành án Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Ngọc Giao